

## TÌM HIỂU ĐƯỜNG THI DƯỚI GÓC ĐỘ MÃ VĂN HÓA

Tạ Đức Tú<sup>1</sup>

### ABSTRACT

*Tang poetry from its birth to present day has always been a special concern of scholars. That is probably due to the variety in content and the artistic value of the poetry in general. In the evaluation process of arts in Tang poetry, it can be said that nearly no issue has not been mentioned, but the cultural codes of Tang poetry is relatively lack the necessary attention (some research and books have referred to the issue, but there is probably no works on its own). In this article, we focus mainly on analyzing some typical cultural codes of Tang poetry often appear, indicate systematic sense of them, as well as relate those codes with Vietnamese medieval poetry to eventually give preliminary look about the cultural codes of Tang poetry in its own system.*

**Keywords:** *Tang poetry, cultural code*

**Title:** *A study of cultural code of Tang poetry*

### TÓM TẮT

*Từ khi ra đời đến nay, Đường thi luôn được sự quan tâm đặc biệt của giới nghiên cứu. Điều đó có lẽ do sự phong phú về nội dung và nghệ thuật của thơ Đường nói chung. Trong đánh giá nghệ thuật thơ Đường, có thể nói không vấn đề nào chưa từng được nhắc tới, nhưng riêng mã văn hóa Đường thi vẫn thiếu sự quan tâm cần thiết (có nhắc tới nhưng chưa có công trình nghiên cứu riêng về nó). Ở tham luận này, chúng tôi tập trung phân tích một số mã văn hóa Đường thi tiêu biểu thường xuất hiện, chỉ ra ý nghĩa có tính hệ thống của chúng và liên hệ những mã này với thi ca trung đại Việt Nam nhằm đưa ra cái nhìn sơ bộ về mã văn hóa Đường thi trong hệ thống của nó.*

**Từ khóa:** *Thơ Đường, mã văn hóa*

1. Đường thi xưa nay được xem là “ý tại ngôn ngoại”, “từ từ cảm tú, cú cú ngọc châu”. Chúng ta đã tiếp nhận thơ Đường từ rất sớm, đó gần như là điều bắt buộc khi muốn tiếp cận thơ ca chữ Hán. Hoàng Đức Lương trong *Trích điểm thi tập tự* đã than rằng: “Đức Lương thi học duy thị Đường chi bách gia” (Đức Lương tôi [muốn] nghiên cứu về thơ chỉ xem được ở trăm nhà [thơ] đời Đường). Cái hay cái đẹp của thơ Đường đã được cả thế giới thừa nhận. Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa đã từng ca ngợi vẻ đẹp thơ Đường rằng:

*Ngũ phụng Đường thi danh bất hủ,  
Tam lương khô thủ cổ lai thi*<sup>(1)</sup>.

Không phải ngẫu nhiên mà người ta ca ngợi thơ Đường nhiều đến vậy. Cái hay của thơ Đường thì nhiều vô kể, kê dẫn bao nhiêu cũng không thể cho là đủ được. Nhưng có lẽ, một trong những lí do khiến thơ Đường mãi lung linh, luôn thu hút sự tìm tòi, khám phá, đó chính là nó có nhiều tầng bậc ý nghĩa, trong đó có tầng bậc ý nghĩa xuất phát từ mã văn hóa Đường thi. Vì vậy, từ khi xuất hiện đến nay, Đường thi nói chung đã khiến chúng ta say mê và tiếp tục hành trình khám phá nó.

<sup>1</sup> Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Cần Thơ

Thơ chữ Hán nói chung, thơ Đường nói riêng cốt yếu ở sự tinh gọn ngôn từ nhưng hàm chứa ý tứ sâu sắc. Do vậy, các thủ pháp nghệ thuật như lối dùng từ ngữ ước lệ tượng trưng, sử dụng điển cố... đã được vận dụng triệt để trong thơ Đường. Mã văn hóa Đường thi mà chúng tôi nhắc tới ở đây cũng nhằm phục vụ yêu cầu “ý tại ngôn ngoại” cho thơ. Đây cũng là một dạng ước lệ nhưng mang triết lí văn hóa trong cộng đồng đã được mặc nhiên thừa nhận. Thông qua các từ ngữ, các hình ảnh này, nếu chúng ta giải đúng mã văn hóa của nó thì cơ bản có hiểu được tứ Đường thi. Đây có thể nói một hướng khám phá đơn giản mà khá hiệu quả trong việc cận thơ Đường từ góc độ văn hóa. Vấn đề là chúng ta cần có kiến thức liên ngành về ngôn ngữ - văn hóa - lịch sử thì mới có thể nhận ra tầng bậc ý nghĩa này.

Như vậy, chúng ta có thể tạm hiểu: Mã văn hóa là một ẩn số ngôn ngữ mang chiều sâu văn hóa cộng đồng hiển nhiên được thừa nhận. Mã văn hóa Đường thi là một dạng thức ngôn từ mang chiều sâu văn hóa Trung Hoa được hiện thực hóa trong thơ Đường.

2. Trong quan niệm của người Trung Hoa, theo phương hướng thì ở giữa là Trung, tượng trưng cho sự tập trung, sự văn minh và thành tựu. Người Hoa Hạ sống giữa hai con sông lớn là Hoàng Hà và Trường Giang vì vậy mà gọi là Trung Hoa, đất đai của họ gọi chung là Trung Nguyên, tên nước là Trung Quốc<sup>(2)</sup>. Bốn hướng còn lại là Đông, Tây, Nam, Bắc tượng trưng cho những vấn đề khác nhau và đều có nguyên do khởi phát của nó. Chiếu theo Ngũ hành thì Trung thuộc hành Thổ (đất), Đông thuộc hành Mộc (cây), Tây thuộc hành Kim (kim loại), Nam thuộc hành Hỏa (lửa) và Bắc thuộc hành Thủy (nước). Tứ quý vận xoay cũng theo bốn hướng ấy, lấy Trung làm trục. Mùa xuân khí trời ấm áp, cây cối nảy lộc đâm chồi, nên thuộc hành Mộc ở phương Đông. Phương Đông, hành Mộc hay mùa xuân vì vậy mà tượng trưng cho sự ấm áp, cảnh thanh bình và sự xum vầy, đoàn viên. Mùa Hạ thời tiết hanh khô, nắng nóng, cây cối cứng cáp, tích đủ diệp lục đến xum xuê, nên hành Hỏa ở phương Nam. Phương Nam, hành Hỏa hay mùa hạ vì vậy tượng trưng cho sự trù phú, hưng thịnh. Mùa thu khí trời mát mẻ nhưng trong nó đã hàm chứa cái lạnh mùa đông, cây cối ứa vàng, biến sắc, nên thu thuộc hành Kim ở phương Tây. Phương Tây ở Trung Quốc là vùng đồi núi thấp, khí hậu điều hòa không nóng không lạnh (tiết thu tập trung) rất thích hợp bố trí binh pháp, lập trận đồ... Đây lại là nơi chinh chiến liên miên suốt từ thời Xuân Thu sang Chiến Quốc với tiêu điểm là nước Tần. Vùng đất Hán Trung của Lưu Bang trong “Hán Sở tranh hùng” và đất Ba Thục của Lưu Bị thời Tam Quốc đều thuộc phía Tây, là nơi diễn ra các cuộc huyết chiến sinh tử đã trải rất nhiều đời. Vì nỗi ám ảnh chiến tranh liên tục ở nơi này nên thi ca, nhất là thơ Đường, đã coi phương Tây, hành Kim hay mùa thu tượng trưng cho chiến địa, tang thương, nơi mà các chinh phụ dãi dạt mắt ngóng trông. Mùa đông tiết trời lạnh lẽo, tuyết trắng bay đầy trời khiến không gian mang một màu trắng xoá lạnh lùng nên thuộc hành Thủy ở phương Bắc. Phương Bắc, hành Thủy hay mùa đông vì vậy tượng trưng cho sự lạnh lẽo, chia cách, biệt ly.

Nhà thơ Lý Bạch khi miêu tả nỗi lòng của người chinh phụ nhớ chinh phu trong *Xuân tứ* gần như đã vận dụng triệt để mã văn hóa Đường thi nhằm làm rõ sự nhớ nhung xé lòng trong mùa xuân ấm áp:

*Yên thảo như bích ti,*

*Tàn tang đê lục chi.  
 Dương quân hoài quy nhật,  
 Thị thiếp đoạn trường thì.  
 Xuân phong bất tương thức,  
 Hà sự nhập la vi.*

Mùa xuân ấm áp, cỏ hoa mơn mớn là mùa của đoàn tụ, thế mà người chinh phụ phải sống cô lẻ, xa người chồng đang chiến đấu ngoài chiến tuyến. Thời điểm nổi lên “tứ mùa xuân” này đã là cuối xuân. “Dâu đất Tần xanh đã rữ cành” (Tàn tang đê lục chi) chứng tỏ mùa xuân đến nơi đây đã rất lâu, trong khi “cỏ đất Yên mới nhú những chồi biếc li ti” (Yên thảo như bích ti), chứng tỏ mùa xuân ở đây vừa mới đến không lâu. Hai khung cảnh quá khác nhau này cho thấy sự xa cách của đôi người là rất lớn: Cùng thời điểm cuối xuân nhưng ở phía Tây chiến địa thuộc đất Tần, xuân đến đã lâu nên ngàn dâu xanh ngát, chinh chiến cũng nhiều nên người chinh phụ rất ước ao, mong mỗi ngày trở về để đoàn viên bên người vợ ở quê nhà. Trong khi đó, người chinh phụ đang ở đất Yên thuộc phương Bắc xa xôi mới bắt đầu cảm nhận hơi xuân – cỏ non mới nhú. Vì đất Yên (sau này là Yên Kinh, nay là Bắc Kinh) ở phía Bắc, xa đường xích đạo nên mùa đông thường kéo dài, mùa xuân đến rất muộn. Người chinh phụ vừa cảm nhận hơi xuân thì nỗi nhớ chồng, niềm mong đoàn tụ lại trỗi lên mạnh mẽ. Vì trong tâm thức nàng, ngày xuân chồng sẽ được về! Nhưng thực tế thì xuân đến đã lâu mà chàng có về được đâu! Tứ thơ tới đây đã có thể lột tả được nỗi lòng và hoàn cảnh chia xa của đôi lứa, nhưng nhà thơ Lý Bạch còn tinh tế miêu tả nỗi lòng của người chinh phụ trước ngọn gió xuân man mác vô tình: Gió xuân sao chẳng cùng biết cho nỗi nhưng nhớ, cố gì vào thổi vào màn the (la vi) khiến niềm khát khao tuổi trẻ với lứa đôi hạnh phúc như vỡ oà, nức nở. Bởi cơn gió xuân là biểu trưng cho sự ấm áp, gió thổi làm màn the lay động<sup>(3)</sup>, ngỡ như chồng về cùng ta, hoá ra không phải, khiến niềm nhưng nhớ như thêm da diết bội phần.

Đồng cảnh huống với người chinh phụ trong *Xuân tứ* của Lý Bạch không ai khác chính là người chinh phụ trong *Xuân oán* của Kim Xương Tự:

*Đã khởi hoàng oanh nhi,  
 Mạc giao chi thượng đề.  
 Đề thời kinh thiếp mộng,  
 Bất đắc đáo liêu tây.*

Mùa xuân ấm áp thì họa khoe màu tươi, chim khoe tiếng hót, kêu gọi bạn tình là lẽ tự nhiên, làm cho sắc xuân thêm rộn ràng, có chi nàng không cho? Hai câu thơ đầu tưởng là vô lí, nhưng đọc thêm hai câu cuối khiến ta ngùi ngùi, cảm thông cho người thiếu phụ có hành động rất lạ đời: Thì ra nàng đang nằm mộng, tiếng chim hót lạnh lớt trên cành làm nàng giật mình tỉnh giấc. Cái đáng nói, đáng tiếc cho người thiếu phụ là nàng đang mộng thấy mình đến được phía Tây xa xôi<sup>(4)</sup>. Vậy ở đó có gì vui mà nàng phải luyến tiếc dù chỉ là trong giấc mộng, đến nỗi phải giật dỗi con chim vô tình đang lượn hót trên cành? Như chúng ta biết, phía Tây vốn tượng trưng cho chiến địa, vốn là bãi chiến trường. Nàng mộng đến nơi đây làm gì đến nỗi không muốn quay về, không nở rời xa? Dân gian chẳng phải có câu *Ngày nghĩ sao chiêm bao gặp vậy* là gì! Rõ ràng nàng đang thương tưởng, rất mong được đến đây để thăm chồng! Ngoài thực tế, thân đào liễu không thể đến nơi

chiến địa xa xôi này, nên trong mộng được đến bên chồng đã là niềm hạnh phúc vô bờ của người chinh phụ. Vậy mà tiếng chim hót làm đứt đoạn buổi đoàn viên tam bợ. Cho nên khi bất chợt tỉnh giấc nồng bởi tiếng hót, nàng mới đổi hờn con chim nọ vô tình. Cái đổi hờn thi vị, đáng yêu nhưng tội nghiệp làm sao!

Chung niềm tâm sự trên là người thiếu phụ trong *Khuê oán* của Vương Xương Linh, nàng từng hờ hờ khuyên chồng đi tìm ẩn phong hầu bằng nghiệp chiến binh. Nên “nơi khuê phòng lẻ bóng nàng chẳng biết buồn là gì” (khuê trung thiếu phụ bất tri sầu)! Vậy mà ngày xuân, khi “bất chợt nhìn thấy sắc xuân của hàng dương liễu” (hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc), nàng mới cảm nhận tình cảnh cô đơn của mình, mới nghe tê tái trong lòng! Nếu sắc xuân chưa chớm trên hàng dương liễu thì có lẽ người thiếu phụ sẽ tiếp tục vô tư như bao ngày tháng đã qua. Nhưng khi mùa xuân đến, mùa của binh yên đoàn tụ (được điểm xuyên trên sắc xanh của hàng dương liễu), mà chồng lại đi chinh chiến ngoài xa, đã làm cho lòng người vợ trẻ còn lạnh hơn cái lạnh mùa Đông vừa mới đi qua. Và vì vậy mà nàng “ân hận vì đã khuyên chồng đi tìm kiếm công danh” (hối giao phu tể mệnh phong hầu).

Không chỉ mã văn hóa về mùa hay hướng mới gợi lên những vấn đề mà nhà thơ muốn gửi gắm. Địa danh cũng trở thành một dạng mã văn hoá đặc biệt của Đường thi. Tiêu biểu nhất có lẽ là thành Trường An. Trường An là quốc đô của các triều Tây Hán, Tân, Tây Tấn, Tiền Triệu, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Ngụy, Bắc Chu, Tuỳ và Đường (nay là Thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây). Đây là Trung tâm giao lưu kinh tế văn hoá lớn bậc nhất của cả nước và trải qua nhiều triều đại, nên từ đời Đường trở về sau, Trường An trở thành mỹ từ để gọi vùng đất kinh đô phồn hoa:

*Mạc thị Trường An hành lạc xứ,  
Không kim tuế nguyệt dị tha đà.*

**Tống Ngụy Vạn chi kinh** – Lý Kỳ

(Chớ cho Trường An là nơi hành lạc, nỡ để năm tháng lần lữa trôi qua)

*Tống vị phù vân năng tế nhật,  
Trường An bất kiến sử nhân sầu.*

**Đặng Kim Lăng Phượng Hoàng đài** – Lý Bạch

(Cho rằng áng mây nổi có thể che mặt trời, chẳng thấy Trường An khiến lòng người buồn bã)

*Tấn triều nam độ nhật,  
Thử địa cựu Trường An.*

**Kim Lăng** – Lý Bạch

(Triều Tấn xuôi về phương nam, nơi đất này là Trường An cũ)

Triều Tấn dời về phía nam, lấy Kiến Khang làm quốc đô, Kiến Khang là tên gọi cũ của Kim Lăng (nay là Thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô), nên Lý Bạch đồng nhất Kim Lăng cũng là Trường An. Ở Việt Nam, chúng ta cũng gọi Trường An là quốc đô của mình:

*Không thom cũng thể hoa nhài,  
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.*

(Ca dao)

Như vậy, Trường An trở thành mỹ từ để chỉ về kinh đô, trung tâm văn hoá xã hội, là chốn phồn hoa, chứ không còn gói gọn ở một đơn vị hành chính nữa.

*Trường An nhất phiếm nguyệt,  
Vạn hộ đảo y thanh.  
Thu phong xuy bất tận,  
Tổng thị Ngọc Quan tình.  
Hà nhật bình Hồ lỗ,  
Lương nhân bãi viễn chinh.*

**Tử Dạ Ngô ca** – Lý Bạch

Bài ngũ ngôn nhạc phủ này chỉ có 6 câu nhưng Lý Bạch đã sử dụng đến 4 mã văn hóa Đường thi rất đáng chú ý. “Trường An” chính chosnos phồn hoa đô hội như đã nói ở trên. “Đảo y” tức đắp áo, nghĩa là giặt áo đông<sup>(5)</sup>. Ở Trung Quốc vào mùa thu người phụ nữ thường đem áo đông (Hàn y) của người thân đang chinh chiến sa trường ra suối giặt để thể hiện tình cảm nhớ thương, đồng thời cũng gửi áo đông sạch sẽ cho người thân bớt lạnh lẽo. Nên *Thu phong xuy bất tận, tổng thị Ngọc Quan tình* (gió thu thổi mãi không dứt, như là thấu hết tình nơi Ngọc Quan). “Thu phong” đã gọi lên cảnh chinh chiến liên miên không dứt (xuy bất tận). “Ngọc Quan” tức ải Ngọc Quan, là một thành nhỏ ở phía Tây Bắc tỉnh Cam Túc được lập từ thời Hán Vũ Đế. Do thời đó, người Tây Vực thường đưa ngọc vào Trung Nguyên qua ải này nên có tên là ải Ngọc Quan. Như vậy, Ngọc Quan lại trở về vùng đất phía Tây, là chiến địa, là nơi “muôn nhà giặt áo đông” đang hướng đến để an ủi người thân. Ngọc Quan do vậy cũng trở thành danh từ chỉ về chiến địa:

*Tuế tuế Kim Hà phục Ngọc Quan  
Triều triều mã sách dữ đao hoàn.*

**Chinh nhân oán** – Liễu Trung Dung

(Năm này qua năm khác, hết Kim Hà lại đến Ngọc Quan; sớm sớm đã lo roi ngựa với vòng đao – những thứ chuẩn bị để ra trận!)

*Văn đạo Ngọc Môn do bị già,  
Ứng tương tính mệnh trực khinh xa.*

**Cổ tông quan hành** – Lý Kỳ

(Nghe nói ải Ngọc Quan còn bị chặn đánh, xin đem tính mạng đuổi theo xe)

Trong quan niệm của người Trung Nguyên, họ ở giữa nên gọi là Trung Hoa, còn các dân tộc sống ở phía Đông họ gọi là Man, phía Nam là Di, phía Tây là Nhung và phía Bắc là Địch hoặc Hồ. Nên “Hồ” trong bài **Tử Dạ Ngô ca** ở trên chính là chỉ về các dân phía Bắc Trung Quốc. “Hồ” cũng trở thành danh từ chỉ về phương Bắc, giặt đến từ phương Bắc nói chung:

*Sa trường phong hoá xâm Hồ nguyệt,  
Hải bạn vân sơn ứng Kế Thành.*

**Vọng Kế Môn** – Tô Vịnh

(Chốn sa trường khói lửa làm mờ cả trăng đất Hồ, bãi biển non mây che phủ Kế Thành)

*Bắc phong quyển địa bạch thảo chiết,  
Hồ thiên bát nguyệt tức phi tuyết.*

**Bạch tuyết ca tổng Vũ Phán Quan quy kinh** – Lý Bạch

(Gió bắc cuốn đất cỏ trắng gầy, Trời Hồ tháng tám tuyết đã bay)

Bắc phong ở đây tiếp tục là một mã văn hóa nữa. Như đã nói, phương Bắc thuộc hành Thủy, mùa đông, vì vậy tượng trưng cho sự lạnh lẽo, chia cách, biệt ly. Hình ảnh “gió bắc cuốn đất cỏ trắng gầy” ở đây đã cho ta thấy rõ điều đó. Một cảm giác mênh mông, lạnh lẽo bao trùm tất cả. Bài thơ Biệt Động Đại của Cao Thích có câu: Bắc phong xuy nhận tuyết phân phân (gió bắc thổi nhận, tuyết bay mù mịt). Gió bắc ở đây của gọi nên khung cảnh chia ly tương tự.

Như vậy, mã văn hóa là một bộ phận thuộc nhận thức cộng đồng có tính triết lý cao, để đưa chúng vào thơ có kết cấu hoàn chỉnh như thơ Đường là không hề đơn giản. Vậy mà ở đời Đường, các “tao nhân tài tử” đã làm cho mã văn hóa được cố định qua từ ngữ và làm cho chúng phong phú hơn rất nhiều. Nói cách khác, chính thơ Đường đã hệ thống hóa các mã văn hóa cộng đồng, khiến chúng phục vụ cho nhu cầu thể hiện nghệ thuật của nhà thơ.

3. Mã văn hóa Đường thi gọi lên cho người đọc những hình ảnh ước lệ, mang chiều sâu từ triết lý văn hóa của người Trung Hoa. Trải qua bao thăng trầm, biến đổi, lớp từ ấy dần trở nên xa lạ với người tiếp nhận, phải thông qua giải thích thì chúng ta mới hiểu tạm đúng và đủ về nó. Thực chất, mã văn hóa Đường thi lớn hơn một từ Hán Việt và gần hơn với điển cố văn học. Một từ Hán Việt cụ thể chỉ tương ứng với một vài nét nghĩa cụ thể mà thôi. Điển cố là ta tiếp nhận từ góc độ văn học, có liên quan đến sách sử, được chuẩn mực hóa nhằm nói về một vấn đề gì đó. Mã văn hóa Đường thi là chúng ta tiếp cận từ góc độ văn hóa, nó chỉ là một “mã từ” để gọi mở chiều sâu văn hóa dân tộc mà thôi. Và những mã văn hóa Đường thi như chúng tôi vừa phân tích ở trên, các tác giả thi ca trung đại Việt Nam ta vẫn mượn dùng, mang phong vị mới và không khác mấy so với nghĩa văn hóa của các mã này ở đời Đường.

Nếu xuân trong Đường thi gọi sự đoàn viên, ấm áp thì trong thi ca trung đại Việt Nam cũng vậy:

*Ngạn thảo vô tình xuân tự lục,  
Giang lưu tại nhĩn khách hoàn tân.*

**Trùng du xuân giang hữu cảm** – Nguyễn Phi Khanh

(Cỏ trên bờ vô tình cứ sang xuân là tự xanh, dòng sông trong mắt [vẫn như xưa] nhưng khách là người mới)

Cảnh ngày hè thật thoáng đãng, thanh bình trong **Hạ cảnh** của Nguyễn Bình Khiêm:

*Nhật trường Tân quán tiểu song minh,  
Phong nạp hà hương viễn ích thanh.  
Vô hạn ngâm tình thủy hội đắc,  
Tịch dương lâu thượng vân thiên thanh.*

(Ngày dài ở quán Trung Tân bên cửa sổ sáng sủa, gió đượm hương sen xa xa mát dịu. Tình thơ vô hạn ai là người cùng hiểu, buổi chiều trên lầu nghe tiếng ve kêu muện)

Mùa hè chỉ đơn giản thế thôi, hương đưa gió nhẹ, ve kêu, trời trong xanh, quang đãng. Nhưng mùa thu thì khác. Nếu trong Đường thi thu gọi cảnh chiến địa

tang thương thì thu trong thi ca trung đại Việt Nam chủ yếu gợi cái buồn miên man vô tận:

*Thu phong vị chuẩn hồ tâm tịnh,  
Lạc nhật không giao lữ tứ mang.*

**Sa đình vân hành** – Ngô Thế Lân

(Gió thu thổi không để cho lòng hồ yên tĩnh, mặt trời lặn khiến người lữ khách thấy lòng trống trải)

Trong thi ca trung đại Việt Nam, mùa thu thường gắn với vẻ đẹp của trăng, và vì vậy, trăng cũng gợi nỗi buồn man mác:

*Vũ hậu tri đài đã trừ nguyệt,  
Khách trung tình tự bất thăng thu.*

**Trung thu hữu cảm** – Nguyễn Phi Khanh

(Sau cơn mưa, đài và ao nước chứa đầy bóng trăng, nỗi buồn nơi đất khách không gìm được cảnh thu buồn)

*Đình đông châm chủ thiên gia nguyệt,  
Tiêu tác ba tiêu nhất viện phong.*

**Ngẫu đề** - Nguyễn Du

(Tiếng chày thình thịch dưới ánh trăng soi khắp ngàn nhà, tàu chuối xơ xác bởi gió lùa đầy sân nhà)

Nếu “Hồ” ở Trung Quốc là danh từ chỉ về phương Bắc, giặc đến từ phương Bắc nói chung thì ở Việt Nam cũng vậy. Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải đời Trần đã rất khéo vận dụng mã văn hóa này khi nói về quân Nguyên Mông (phía Bắc Đại Việt) trong bài **Tụng giá hoàn kinh sư**:

*Đoạt sóc Chương Dương độ,  
Cầm hồ Hàm Tử quan.*

(Đoạt giáo [giặc] ở bên Chương Dương, bắt giặc [Bắc] ở cửa Hàm Tử)

Trương Hán Siêu cũng rất khéo vận dụng mã văn hóa này trong **Bạch Đằng giang phú**:

*Hồ trần bắt cầm động hê, thiên cổ thặng bình*

(Bọn giặc không dám động binh đao chừ, [ta có] nền thái bình muôn thuở)

Như vậy, thi ca trung đại Việt Nam cũng sử dụng mã văn hóa Đường thi nhưng nghĩa văn hóa không rõ ràng, triệt để như trong thơ Đường. Đây chỉ là những yếu tố nghệ thuật ước lệ giúp tăng tính hàm súc, uyên bác và biểu cảm trong thơ ca nói chung. Các yếu tố thuộc chiều sâu văn hóa đã thực sự bị các nhà thơ trung đại “gạn” lại để phù hợp môi trường văn hóa Việt Nam.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Ngô Văn Phú (dịch), 2008, *Đường thi tam bách thủ*, NXB Văn học.  
Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1989, *Từ Hải*.

## CHÚ THÍCH

(1) Ngũ phụng thơ Đường là Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Vương Duy và Lý Hạ... Còn ba cái hay của thơ Đường gồm “Thi trung hữu nhạc” (trong thơ có nhạc), “Thi trung hữu họa” (trong thơ có họa) và “Thi trung hữu hồn” (trong thơ có hồn). Bởi có nhạc, có họa, có hồn như vậy, mà thơ Đường được đứng đầu thơ xưa nay (*khôi thủ cổ lai thi*), cũng vì vậy mà khiến cho các nhà thơ Đường được *danh bất hư*.

(2) Tên đầy đủ là Trung Hoa Cộng hòa Dân quốc, ta gọi tắt thành Trung Quốc.

(3) Cổ Nhạc phủ có câu: *Vi phong xuy nhuận, la vi tự phiêu dương* nghĩa là: gió nhẹ thổi thì màn the tự lay động.

(4) Trong nhiều bản dịch thi Liêu Tây là địa danh (Đường thi tam bách thủ, tr 609, sđd)

(5) Trong thi ca trung đại Việt Nam cũng có hình ảnh giặt áo vào mùa thu, nhưng không dùng cụm động tân “đào y” (đập áo), mà thường lấy dụng cụ giặt áo đông (cái chày) để miêu tả:

- *Đình đông **châm chử** thiên gia nguyệt* (Ngẫu đề – Nguyễn Du)

- *Tảo hàn dĩ giác vô y khổ*

*Hà xứ không khuê thôi **mộ châm*** (Thu dạ (kỳ nhị) – Nguyễn Du)

- *Thuy khởi **châm thanh** vô mịch xứ,*

*Mộc tê hoa thương nguyệt lai sơ* (Nguyệt – Trần Nhân Tông).